

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày 14-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đàm Thanh,

Bà Đàm Thị Bích Nhu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Hoàng Thị M, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1970 tại xã H, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: Xóm S, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn B (đã chết) và bà Hà Thị T, sinh năm 1933; có chồng Lương Văn A, sinh năm 1968 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư B thuộc Văn phòng luật sư B - Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo theo Quyết định cử luật sư cộng tác viên tham gia tố tụng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Bị hại: Ông Nông Vĩnh Đ, sinh năm 1955.

Trú tại: Xóm S, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Người làm chứng:

+ Đàm Văn M1, sinh năm 1995.

Trú tại: Xóm E, xã D, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

+ Lương Văn A, sinh năm 1968.

Trú tại: Xóm S, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 24/02/2018, Hoàng Thị M, sinh năm 1970 (trú tại: Xóm S, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng) đang nấu cơm lợn ở trong bếp thì nghe tiếng xe máy dừng ở ngoài sân, Hoàng Thị M đi ra thì thấy ông Nông Vĩnh Đ, sinh năm 1955 cùng xóm chở 02 bao tải dưa màu xanh (bên trong là tiền) dừng ở sân nhà mình. Ông Đ nói với M “Cho bác gửi hai cái bao này với”, Hoàng Thị M nói “Cứ mang vào đi, mang vào buồng G”. Hoàng Thị M có hỏi “Bác L ơi, hai bao này là bao gì thế” nhưng ông Đ không trả lời và xách mỗi lần một bao tải đi vào trong buồng ngủ của Lương Hồng G (là con trai của M) sau đó đi về nhà, còn M thì tiếp tục đi xuống bếp nấu cơm lợn. Khi đang ở dưới bếp nghe thấy tiếng nhiều người đi lại ngoài đường nên Hoàng Thị M đi ra ngoài sân thì thấy có Công an và nhiều người dân đứng trước cửa nhà Nông Vĩnh Đ, Hoàng Thị M tò mò muốn biết hai bao tải dưa ông Đ gửi tại nhà mình đựng cái gì nên đi vào buồng ngủ của G mở vào 01 bao tải để xem (bao đựng ít hơn) thấy có nhiều tiền, lúc này M nảy sinh ý định lấy một số tiền trong bao tải này để trả khoản nợ ngân hàng của gia đình. M đã lấy 02 cọc tiền được buộc bằng dây nịt màu vàng (mỗi cọc gồm nhiều tệp tiền nhỏ cũng được buộc bằng dây nịt màu vàng) cho vào 01 túi nilon màu xanh gần đáy, buộc miệng túi lại và giấu dưới gầm giường rồi đi xuống bếp tiếp tục nấu cơm lợn.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, Nông Vĩnh Đ đi sang nhà Hoàng Thị M lấy 02 bao tải tiền về nhà thì phát hiện 01 bao tải nhẹ hơn. Sau khi mang tiền về tới nhà và kiểm đếm thì phát hiện mất đi số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), Nông Vĩnh Đ sang nhà Hoàng Thị M đòi lại số tiền bị mất thì M không thừa nhận được lấy tiền trong bao tải của Đ gửi nhờ. Ngày 25/02/2018, khi không có ai ở nhà, Hoàng Thị M lấy số tiền ra đếm được khoảng 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) loại tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), sau khi đếm xong tiếp tục cất vào chỗ cũ.

Ngày 27/02/2018, Đàm Văn M1, sinh năm 1995, trú tại: Xóm E, xã D, huyện T, tỉnh Cao Bằng (là anh trai con dâu Hoàng Thị M) đến nhà chơi. Trước khi M về nhà, Hoàng Thị M đưa số tiền trên cho M1 và nói “Bác M1 ơi, cất số tiền này cho bà”, M1 hỏi lại “tiền này là tiền gì thế bà”, M trả lời “Tiền này họ

vứt vào nhà, bà mở ra thấy tiền thì bà lấy”, M1 không nói gì cầm lấy số tiền và mang về nhà cất giữ. Đến ngày 20/3/2018, Hoàng Thị M khai nhận hành vi phạm tội của mình, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành thu giữ tại nhà Đàm Văn M1 và kiểm đếm được số tiền là 990.500.000đ (Chín trăm chín mươi triệu năm trăm nghìn đồng), toàn bộ số tiền đã được niêm phong theo quy định.

Hành vi của Hoàng Thị M đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 58/CT -VKSCB-P2 ngày 30/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Hoàng Thị M về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị M thừa nhận cáo trạng Viện kiểm sát truy tố hành vi phạm tội đối với bị cáo là đúng; bị cáo khai: Ngày 24/02/2018, ông Nông Vĩnh Đ có đến gửi ở nhà bị cáo 02 bao tải không biết đựng cái gì. Khi công an đến khám xét nhà ở của ông Đ, do tò mò bị cáo đã mở 01 bao tải nhẹ hơn để xem, khi phát hiện ra trong bao tải đựng nhiều tiền thì bị cáo nảy sinh ý định và đã chiếm đoạt một phần số tiền trong bao tải để trả nợ ngân hàng của gia đình, số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông Đ là 01 tỷ đồng, số tiền đó bị cáo chưa sử dụng và không chia cho ai, bị cáo có nhờ Đàm Văn M1 cất giữ hộ, khi đưa M1 cất giữ số tiền trên bị cáo và M1 không hứa hẹn gì. Khi cơ quan Công an ghi lời khai bị cáo đã khai báo để thu giữ số tiền trên trả cho ông Đ.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị hại Nông Vĩnh Đ khai: Do lo sợ cơ quan công an khi khám xét nhà sẽ thu giữ tiền của gia đình nên ngày 24/02/2018 ông đã cất tiền vào 02 chiếc bao tải dứa và mang sang nhà Hoàng Thị M gửi nhưng không nói cho M biết đó là tiền. Khoảng 11 giờ cùng ngày, sau khi qua nhà M để lấy tiền về, sau khi đếm phát hiện đã bị mất đi số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng), số tiền này do M lấy, ngoài ra còn có chồng và con trai bị cáo cùng tham gia, nhưng ông không có tài liệu nào chứng minh việc này. Sau đó ông có sang hỏi thì Hoàng Thị M không thừa nhận được lấy tiền của ông. Sau khi Hoàng Thị M thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đến ngày 15/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Cao Bằng đã trả lại cho ông số tiền: 990.500.000đ (Chín trăm chín mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa ông Đ đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo về hình phạt theo quy định của pháp luật; về phần bồi thường không yêu cầu gì thêm, xác nhận đã nhận đủ số tiền với cơ quan Công an.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa người làm chứng Lương Văn A khai: Ông không được biết gì và cũng không được tham gia vào việc chiếm đoạt tiền của ông Đ. Vợ của ông là Hoàng Thị M tự mình thực hiện hành vi phạm tội, ông và con trai là Lương Hồng G không hề hay biết gì về việc làm của bà M, sau thời gian bà M lấy tiền của ông Đ khoảng 01 tuần thì bà M có kể cho ông nghe.

Tại cơ quan điều tra người làm chứng Đàm Văn M1 khai: Ngày 27/02/2018, M1 sang nhà chồng của em gái chơi, khi ra về thì mẹ chồng của em gái là bà Hoàng Thị M có đưa cho M1 một số tiền và nói với M1 số tiền này là do người khác ném vào nhà, nhờ M1 cất hộ. M1 không biết đây là số tiền bà M chiếm đoạt của người khác và cũng không được hưởng lợi gì.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hoàng Thị M về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thị M mức án từ 06 đến 07 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra việc giải quyết vì bị hại đã nhận lại số tiền và tại phiên tòa không yêu cầu gì thêm; về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì hoàn cảnh bị cáo khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị M: Ông B, Luật sư cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng trình bày lời bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần luận tội về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên về hình phạt cần xem xét bị cáo Hoàng Thị M là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, ở địa phương luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Do nhất thời nảy sinh lòng tham nên đã phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo Hoàng Thị M đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả bị hại; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Hoàng Thị M hình phạt thấp hơn đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, đề nghị xử bị cáo mức án 04 đến 05 năm tù.

Bị cáo Hoàng Thị M nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không có ý kiến gì bổ sung, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát về đề nghị hình phạt và bồi thường thiệt hại, không có ý kiến gì thêm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Hoàng Thị M ăn năn hối cải về hành vi gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị M và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh trên là đúng với hành vi; xét lời khai nhận tội của bị cáo trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp nhau, bị cáo khai nhận khi bị hại ông Nông Vĩnh Đ mang 02 bao tải đến gửi nhà bị cáo, bị cáo có hỏi nhưng ông Đ không trả lời, sau đó bị cáo vào buồng mở xem thì phát hiện tiền nên bị cáo đã chiếm đoạt số tiền trên; xét lời khai của bị hại Nông Vĩnh Đ trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với lời khai bị cáo về thời gian, địa điểm, việc ông Đ giao gửi số tài sản trên được sự đồng ý của bị cáo và số tiền mà bị cáo chiếm đoạt; căn cứ vào lời khai người làm chứng Đàm Văn M1 và biên bản thu giữ vật chứng là số tiền tại chỗ ở của M1 được lập vào hồi 15 giờ, ngày 20/3/2018; căn cứ vào lời khai của người làm chứng Lương Văn A và các chứng cứ, tài liệu khác được cơ quan điều tra thu thập và phản ánh tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 24/2/2018, Hoàng Thị M đang ở nhà nấu cơm thì ông Nông Vĩnh Đ đi xe máy chở 02 bao tải đựng tiền mang đến gửi nhờ (Đ không nói cho M biết trong bao tải đựng đồ gì), Hoàng Thị M đồng ý và bảo Đ để vào buồng ngủ của Lương Hồng G (hiện M đang sử dụng), M hỏi Đ trong bao tải đựng đồ gì nhưng Đ không trả lời mà đi thẳng về nhà. Khi có công an đến khám xét nhà ông Đ, do tò mò nên Hoàng Thị M đã đi vào buồng ngủ mở bao tải có khối lượng nhẹ hơn, khi mở ra thấy có nhiều tiền nên M đã chiếm đoạt số tiền 990.500.000đ (Chín trăm chín mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo là lợi dụng việc ông Đ tin tưởng do là hàng xóm gửi tài sản nhưng do

lòng tham, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác làm tài sản của mình dẫn đến việc phạm tội.

Từ những phân tích trên, hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất mức độ hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, chiếm đoạt tài sản có giá trị rất lớn, xâm phạm trái phép đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, sau khi chiếm đoạt số tiền bị cáo không sử dụng ngay mà đem gửi, thể hiện việc bị cáo có sự tính toán. Xét về nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, khi thấy số tiền lớn bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản để trả nợ Ngân hàng; lợi dụng lòng tin của bị hại; cũng cần xem xét đến việc bị hại trong việc giữ gìn, bảo quản tài sản để người khác chiếm đoạt tài sản một cách thuận lợi.

[3] Xét về nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có trình độ học vấn 7/10 phổ thông, là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách tại địa phương; là người dân tộc sống tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, nghề nghiệp làm ruộng, gia đình thuộc hộ nghèo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Số tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được khắc phục thu hồi trả bị hại, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất mức độ và hậu quả hành vi phạm tội bị cáo gây ra cần phải xử hình phạt thật nghiêm khắc, buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội thời gian nhất định mới có đủ điều kiện để giáo dục cải tạo. Tuy nhiên khi lượng hình cần căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức án phù hợp với bị cáo.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ chấp nhận; xét đề nghị của đại diện Viện

kiểm sát đề nghị mức hình phạt là cao; Người bào chữa đề nghị xử bị cáo mức án 04 đến 05 năm tù, mức án 04 năm tù là không có căn cứ theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự; cần xử bị cáo mức án 05 năm tù là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị hại ông Nông Vĩnh Đ cho rằng bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 3 tỷ đồng và ngoài bị cáo còn có Lương Văn A và Lương Hồng G là chồng và con của bị cáo cùng tham gia chiếm đoạt. Tuy nhiên ngoài lời khai của bị hại, không có chứng cứ nào chứng minh A và G là đồng phạm trong vụ án; về số tiền bị hại khai không phù hợp với số tiền đã thu giữ cũng như lời khai của nhân chứng và lời khai của bị cáo nên không có căn cứ để xem xét.

Đối với Đàm Văn M1 không biết bị cáo Hoàng Thị M đã chiếm đoạt tiền của người khác, M1 không được hưởng lợi gì từ việc này nên không có căn cứ để xử lý.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì hoàn cảnh bị cáo khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu gì thêm. Do vậy không đặt ra việc giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Không có.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thị M phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thị M - 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Thị M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa, bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh CB;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- Cục THADS tỉnh CB;
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu HS vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa